

Số : 369./BC-ĐHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp**

Thực hiện công văn số 4806/2016/BGDĐT-GDĐH ngày 28/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và công văn số 537/2016/BXD-TCCB ngày 06/10/2016 của Bộ Xây dựng về việc báo cáo tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp năm 2015. Trường đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh đã triển khai, thực hiện với nội dung như sau:

#### **1. Tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp**

Trường đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh luôn chú trọng xây dựng chương trình đào tạo gắn liền với nhu cầu thực tế của thị trường lao động trên cơ sở khảo sát, đánh giá, nắm bắt xu hướng vận động, phát triển của các lĩnh vực, ngành nghề trường đang đào tạo. Do đó, Nhà trường luôn nhận được sự đánh giá cao của các đơn vị sử dụng lao động là sinh viên tốt nghiệp của Trường.

Việc khảo sát, nắm bắt tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp có ý nghĩa và là cơ sở quan trọng trong việc cải tiến, xây dựng các chương trình đào tạo; đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo; góp phần dự báo nhu cầu, xu hướng thị trường lao động các ngành đào tạo của trường, đồng thời cũng làm cơ sở cho việc xác định và đăng ký chỉ tiêu, quy mô tuyển sinh hàng năm của trường. Nhà trường đã chú trọng xây dựng các kế hoạch, biện pháp và đầu tư các nguồn lực để thực hiện có hiệu quả cao nhất nội dung công việc này. Theo đó, trong năm 2016 Nhà trường đã thực hiện và thu nhận được các kết quả cụ thể:

##### **a. Công tác chỉ đạo, xây dựng kế hoạch:**

Để đảm bảo sự thống nhất về mặt chủ trương, sự phân công và phối hợp đồng bộ, có hiệu quả giữa các đơn vị chức năng, các khoa chuyên ngành trong việc tổ chức thực hiện việc khảo sát, đánh giá tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, Nhà trường đã tổ chức họp triển khai và giao phòng Đào tạo và Công tác sinh viên là đơn vị thường trực, tham mưu xây dựng kế hoạch, đồng thời phối hợp với các Khoa triển khai thực hiện trong phạm vi toàn trường.

##### **b. Phương pháp và quy trình điều tra:**

Phương pháp và quy trình điều tra tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp được xác định cụ thể như sau:

- **Phương pháp:**

Kết hợp cùng lúc các phương pháp khác nhau (định tính và định lượng) nhằm tạo sự linh động, kịp thời nắm bắt thông tin, tình trạng việc làm của sinh viên như: khảo sát qua phỏng vấn sâu; phỏng vấn và phát phiếu khảo sát trực tiếp; qua bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến được thiết kế trên google docs. Trong số các phương pháp kể trên, phương pháp điều tra thông qua bảng hỏi khảo sát kết hợp phỏng vấn được sử dụng chủ yếu để thu thập dữ liệu việc làm của sinh viên tốt nghiệp, đồng thời đảm bảo dữ liệu thực tế thu được phục vụ cho việc phân tích dữ liệu sau đó.

Bảng hỏi điều tra, khảo sát được xây dựng chi tiết bao gồm đầy đủ các mục: Thông tin cá nhân (họ và tên, lớp, ngành, niên khóa, đợt và năm tốt nghiệp, số điện thoại, email và facebook cá nhân); công việc hiện tại; quá trình xin việc; thông tin đánh giá và các kiến nghị của sinh viên về việc áp dụng các chuyên môn đã học vào ngành nghề thực tế của công việc, cũng như các kiến nghị với Trường trong việc thay đổi, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo.

- **Quy trình điều tra, xử lý số liệu:**

Kế hoạch tổ chức thực bên cạnh việc xác định phương pháp điều tra còn xác định rõ quy trình thực hiện nhằm đảm bảo tính khoa học, sự phối hợp đồng bộ để cho ra kết quả trung thực, khách quan nhất. Cụ thể quy trình như sau:

- Bước 1: Xây dựng và ban hành kế hoạch chung
- Bước 2: Tổ chức họp, thông tin các nội dung của kế hoạch đến các cá nhân, tập thể có liên quan.
- Bước 3: Tổ chức thực hiện.

Việc khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên được kết hợp cùng thời điểm sinh viên nhận bằng tốt nghiệp chính thức tại Trường. Trong quá trình thực hiện, tổ chức hướng dẫn và hỗ trợ đối tượng khảo sát trả lời các câu hỏi trong Bảng khảo sát tránh việc đối tượng khảo sát có thể vì nhiều lý do khác nhau mà trả lời cho có, thiếu các câu hỏi điều kiện và câu hỏi mang tính kiểm tra tính logic trong việc trả lời các câu hỏi.

- **Xử lý số liệu:**

Sau khi tổ chức điều tra, khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, các đơn vị chức năng theo kế hoạch tiến hành phân loại theo khoa, từ đó nhập các dữ liệu - là kết quả trả lời của đối tượng được khảo sát. Phương pháp nhập liệu và phân tích được thực hiện trên hai phần mềm cơ bản là SPSS và Excel.

**c. Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp (số liệu tốt nghiệp năm 2015 - có phụ lục kèm theo)**

Kết quả khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên được xây dựng trên 03 tiêu chí: Có việc làm (trong đó phân ra có việc làm đúng, gần và trái với ngành/chuyên ngành được đào tạo); chưa có việc làm; tiếp tục đi học (cao học và học bổ trợ thêm chuyên môn). Căn cứ vào kết quả khảo sát, có thể thấy rằng hầu hết sinh viên các ngành sau khi tốt nghiệp đều có việc làm đúng ngành/chuyên ngành hoặc một phần gần với chuyên ngành đào tạo. Số sinh viên chưa có việc làm chiếm tỉ lệ rất nhỏ, trong đó đa phần lý do chưa có việc làm là do sinh viên muốn có thời gian nghỉ ngơi sau một quá trình dài học tập căng thẳng, hoặc

X A  
TRU  
ẠI HỌC  
THAN  
HỒ CH

sinh viên muốn học thêm một vài kỹ năng (ngoại ngữ, các phần mềm mới mà quá trình học tập chưa tiếp cận, hoặc đang ôn thi cao học...). Như vậy, trên tổng thể kết quả thu được cho thấy các ngành đào tạo của Trường đã và đang đi đúng hướng với nhu cầu thực tế xã hội hiện nay, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động ngành Xây dựng; qua đó tiếp tục khẳng định uy tín và chất lượng đào tạo của Trường.

## **2. Khu vực việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp**

Tùy vào các ngành nghề đào tạo mà khu vực làm việc của sinh viên cũng khác nhau. Trong đó chia ra 03 khu vực làm việc chính là khu vực Nhà nước, khu vực tư nhân và khu vực liên doanh với nước ngoài và 100% đầu tư nước ngoài.

Đối với **khu vực Nhà nước** tập trung nhiều vào các ngành đào tạo như Xây dựng, Kiến trúc, Quy hoạch, Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng. Sinh viên tốt nghiệp các ngành này chủ yếu được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước như: Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch Kiến trúc, phòng, ban chuyên môn của các Quận, Huyện, các cơ sở giáo dục, các Tổng công ty, Công ty CP có vốn Nhà nước... Tuy nhiên số lượng sinh viên tốt nghiệp và làm việc tại khu vực này chiếm tỷ lệ không cao. Điều này một phần là do nhu cầu thực tế về chỉ tiêu, biên chế tuyển dụng của các cơ quan nhà nước thường không cao, một phần mức lương chưa thu hút nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Đối với **khu vực tư nhân**: Khu vực này có số lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp tham gia ứng tuyển và làm việc chiếm đa số ở tất cả các ngành nghề đào tạo của Trường. Kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu của thị trường lao động hiện tại đang rất cần sinh viên tốt nghiệp các ngành nghề đào tạo của Trường. Điều này thể hiện qua việc Nhà trường thường xuyên tiếp nhận các thông tin tuyển dụng của các công ty, doanh nghiệp và đăng tải cho sinh viên, cựu sinh viên quan tâm ứng tuyển. Song việc công ty, doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp của Trường là rất khó khăn.

Đối với **khu vực liên doanh với nước ngoài và 100% đầu tư nước ngoài**: Trong xu thế hội nhập khu vực và quốc tế, đặc biệt là việc Việt Nam mở cửa chào đón sự đầu tư của nước ngoài ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có các lĩnh vực ngành nghề mà Trường đang đào tạo. Đây là cơ hội để Trường định hướng và xây dựng chương trình đào tạo, bên cạnh nội dung đào tạo còn chú trọng đến các yếu tố hội nhập như ngoại ngữ, kỹ năng... Do vậy trong nhiều năm qua, số lượng sinh viên tốt nghiệp làm việc trong khu vực này có xu hướng ngày càng tăng.

## **3. Đánh giá mối quan hệ giữa kết quả đào tạo và tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp**

Trong năm học vừa qua, việc tổ chức thực hiện khảo sát việc làm sinh viên tốt nghiệp ra trường và khảo sát nhu cầu sử dụng lao động, chất lượng lao động là cựu sinh viên của trường đang công tác, làm việc tại các doanh nghiệp liên quan đến lĩnh vực đào tạo của trường đã phần nào giúp Nhà trường nhìn nhận và đánh giá lại kết quả đào tạo của Trường. Với kết quả 91.92% sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 3 tháng ra trường đã phần nào cho thấy chất lượng các ngành đào tạo hiện nay của trường. Kết quả thu được là một trong những kênh thông tin quan trọng giúp nhà trường tiếp tục nghiên cứu và rà soát

Y  
HỒNG  
KIẾN TRÚC  
PHỐ  
MINH

các chương trình, nội dung đào tạo và phương pháp giảng dạy nhằm duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng mục tiêu phát triển của trường.

Trong xu thế đô thị hóa và sự gia tăng trong nhu cầu sử dụng lao động lĩnh vực kiến trúc - xây dựng – thiết kế ngày càng tăng. Nhiều trường đại học trong cả nước đã và đang nghiên cứu tổ chức đào tạo các ngành, chuyên ngành mà Trường đang đào tạo. Tuy nhiên Nhà trường xác định trước mắt không tăng quy mô đào tạo mà duy trì và đẩy mạnh chất lượng đào tạo của trường thông qua một số nội dung sau:

- Mặc dù khả năng có thể tăng quy mô đào tạo, tuy nhiên Nhà trường vẫn quyết định duy trì chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017 như các năm trước để đảm bảo chất lượng đào tạo của trường.
- Trước nhu cầu sử dụng lao động thực tế thông qua kết quả khảo sát doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Nhà trường đã nghiên cứu xây dựng các chương trình đào tạo cho các ngành, chuyên ngành mới và đề nghị Bộ Giáo dục Đào tạo cho phép tổ chức đào tạo các ngành, chuyên ngành mới này trong thời gian sớm nhất.
- Nghiên cứu xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao có tính cạnh tranh với các nước khác trong khu vực nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu lao động có chất lượng cao phù hợp với xu thế hội nhập Asian ở lĩnh vực lao động ngành kiến trúc, xây dựng và quy hoạch. Trước mắt Trường đang xây dựng đề án mở một số chương trình đào tạo chất lượng cao ngành Kiến Trúc, Xây dựng và Quy hoạch.
- Trước xu thế toàn cầu hóa trong giáo dục, Nhà trường đang nghiên cứu, rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo hiện có nhằm đảm bảo đáp ứng các tiêu chí kiểm định của Bộ giáo dục và Đào tạo cũng như các tổ chức kiểm định quốc tế. Nhà trường đang định hướng xây dựng các chương trình hiện có đảm bảo các tiêu chí kiểm định AUN. Bên cạnh đó Trường tăng cường đẩy mạnh các quan hệ hợp tác với các trường đại học, học viện ở các nước phát triển nhằm xây dựng các thỏa thuận hợp tác, xây dựng các chương trình đào tạo quốc tế và xin phép Bộ Giáo dục đào tạo tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo quốc tế tại trường.
- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh hợp tác giữa Nhà trường với các doanh nghiệp sử dụng lao động thông qua việc ký kết các thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa Nhà trường, các khoa chuyên ngành với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đào tạo.

Trên đây là báo cáo tình hình việc làm sinh viên tốt nghiệp năm 2015 của trường./.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Vụ TCCB, Bộ XD (để b/c);
- Thường vụ Đảng ủy (để b/c);
- BGH, CTHĐ Trường (để b/c);
- Lưu VT; P.ĐT&CTSV.



**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**ThS. Nguyễn Hoàng Minh Vũ**

BỘ XÂY DỰNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC  
TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 12 năm 2016

## PHỤ LỤC

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN

(Kèm theo báo cáo Số 36, ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Trường ĐH Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh)

Tên người báo cáo: ThS. Nguyễn Quang Huy - Điện thoại: 0918.803.138/ Email: [huy.nguyenquang@uah.edu.vn](mailto:huy.nguyenquang@uah.edu.vn)

Đường Link công khai báo cáo: <http://uah.edu.vn/>

Năm sinh viên tốt nghiệp: 2015

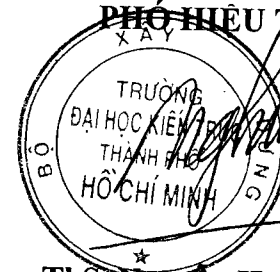
Trình độ đào tạo: Đại học                      Hệ đào tạo: Chính quy

TT	Ngành đào tạo	Tổng số SVTN	Tình trạng việc làm			Tỷ lệ có việc làm (%)	Khu vực việc làm			
			Số lượng SVTN có việc làm	Số SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao	Số SVTN chưa có việc làm		Khu vực nhà nước	Khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Kiến trúc	242	231	6	5	98.93	30	185	7	9
2	Quy hoạch vùng và đô thị	108	87	7	14	87.03	15	66	4	2
3	Xây dựng	502	450	12	40	92.03	52	362	21	15
4	Thiết kế Nội thất	152	139	1	12	92.10	0	121	6	13
5	Kỹ thuật Cơ sở Hạ tầng	70	65	2	3	95.71	5	58	2	0

6	Thiết kế Đồ họa	119	103	2	14	88.23	0	86	9	7
7	Thiết kế Thời trang	30	25	1	4	86.66	0	20	3	2
8	Thiết kế Công nghiệp	44	36	3	5	86.63	3	24	5	4
9	Thiết kế đô thị - CTTT	23	18	5	0	100	3	13	2	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>1290</b>	<b>1154</b>	<b>39</b>	<b>97</b>	<b>91.92</b>	<b>108</b>	<b>935</b>	<b>59</b>	<b>52</b>

**KT. HIỆU TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**ThS. Nguyễn Hoàng Minh Vũ**